

Số: /KH-UBND

Bắc Sơn, ngày tháng 3 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào Dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn huyện Bắc Sơn năm 2024

Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 2068/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 29/02/2024 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2024; Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Bắc Sơn về về mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; Quyết định số 4568/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

Ủy ban nhân dân huyện xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào Dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn huyện Bắc Sơn năm 2024, như sau:

PHẦN I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2023

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

Ngay từ những ngày đầu năm 2023, Ủy ban nhân dân huyện đã quyết liệt chỉ đạo điều hành đẩy mạnh thực hiện, phân đầu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXII và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chủ đề năm 2023 là “*Siết chặt kỷ cương, tăng cường trách nhiệm, quyết liệt hành động, sáng tạo bứt phá*”. Tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội nhằm tạo chuyển biến rõ nét ngay từ đầu năm trong thực hiện nhiệm vụ, phân đầu thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ năm 2023 theo Nghị quyết số 78-NQ/HU ngày 19/12/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bắc Sơn, khóa XXII về nhiệm vụ năm 2023; Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện, khóa XX về mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2023 và Quyết định của UBND huyện về thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 đã đề ra.

Thực hiện Quyết định số 1966/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND Lạng Sơn về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; Quyết

định số 79/QĐ-UBND, ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2023; Thực hiện Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện, khóa XX về mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2023, Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND huyện về kế hoạch đầu tư công và kế hoạch vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia năm 2023; Nghị quyết Số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND huyện về việc dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, dự toán chi ngân sách huyện và phương án phân bổ ngân sách huyện năm 2023. UBND huyện ban hành Quyết định số 4168/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 27/01/2023 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước; cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2023. Kịp thời ban hành Văn bản chỉ đạo, giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 đến từng cơ quan đơn vị, UBND các xã, thị trấn để triển khai thực hiện đúng mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch¹, giao dự toán thu chi NSNN năm 2023 đảm bảo quy định²; các chỉ tiêu phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp được giao chi tiết cho từng xã, từng loại diện tích cây trồng, vật nuôi,..

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu

- Tỷ lệ lao động trong độ tuổi qua đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số đạt 63%; Giải quyết cơ bản vấn đề đất ở, đất sản xuất cho các hộ thiếu đất, hoàn thành cơ bản công tác định canh định cư; ngăn chặn hiệu quả tình trạng suy thoái môi trường; rác thải sinh hoạt của người dân khu vực nông thôn được thu gom, xử lý theo đúng quy định, đảm bảo vệ sinh môi trường;

- Kết quả rà soát năm 2023 tỷ lệ giảm nghèo đạt 3,35%. Thu nhập bình quân đầu người đạt 55 triệu đồng/người/năm;

- Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99,95%; Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia 99,8%;

- 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; Thực hiện cứng hóa 22,82 km đường xã nâng tổng số km đường đến trung tâm thôn được cứng hóa là 215,303 km/276,16 km đạt 77,96%.

- 50% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng trên địa bàn huyện có 57 đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng chiếm tỷ lệ 38,25%). Xây dựng hệ thống thông tin về công tác dân tộc và các ứng dụng hỗ trợ đồng bào dân tộc

¹ Văn bản số 169/UBND-PTCKH ngày 08/02/2023 giao thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2023.

² Tỉnh giao thu 29.800 triệu đồng, huyện giao thu 34.800 triệu đồng, bằng 116% DT tỉnh giao. Dự toán chi gồm cả chi gồm cả chi đầu tư, trong đó tỉnh giao chi: 596.123 triệu đồng; huyện giao là 592.554 triệu đồng, bằng 99,4% DT tỉnh giao.

thiếu số, triển khai xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; 100% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh. Tại thời điểm báo cáo trên 80% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh; Quốc phòng, an ninh được bảo đảm; chủ quyền, biên giới quốc gia được giữ vững.

- Xây dựng được 6/10 nhà văn hóa thôn đạt chuẩn nông thôn mới, lũy kế 96/149 nhà văn hóa thôn đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 64,4% KH.

- Hiện nay có 28 trường học đạt chuẩn quốc gia (08 trường MN, 08 trường TH, 9 trường THCS, 01 trường TH&THCS, 01 Trường THPT, 01 trường PTDTNT THCS&THPT), đạt tỷ lệ 49%; Toàn huyện hiện có 677 phòng học, trong đó 552 phòng học kiên cố (81,5%); 108 phòng bán kiên cố (16%); 17 phòng tạm (2,5%). Tỷ lệ huy động: Cấp Mầm non: Nhà trẻ 1.132/2.379, tỷ lệ 47,58% (tăng 2,58%); Mẫu giáo 3.768/3.768, tỷ lệ 100% (Duy trì); Riêng trẻ 5 tuổi: 1.282/1.282, tỷ lệ 100% (duy trì); Cấp Tiểu học: Huy động học sinh 6 tuổi vào lớp 1: 1.126/1.126 đạt tỷ lệ 100% (duy trì); Cấp THCS: Huy động học sinh 11 tuổi vào lớp 6: 1.187/1.187 đạt tỷ lệ 100% (duy trì).

- 01 xã vùng III xã đạt chuẩn nông thôn mới (xã Tân Hương); 01 xã vùng II xã đạt chuẩn nông thôn mới (xã Long Đống); 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (xã Vũ Sơn).

- 100% số xã đạt chuẩn Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã; 93.09 % đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế. Trên 80 % phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi xuống dưới 13,5%.

2. Công tác phân bổ, giao kế hoạch vốn ngân sách nhà nước, thực hiện Chương trình

a) Kế hoạch vốn Chương trình MTQG Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 (gồm cả vốn kéo dài năm 2022 sang và vốn chuyển nguồn NS huyện 2022 sang 2023): 113.520 triệu đồng, gồm:

+ Kế hoạch vốn đầu tư thực hiện Chương trình MTQG vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 53.534 triệu đồng (vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023: 14.609 triệu đồng; vốn năm 2023: 37.503 triệu đồng; vốn đối ứng NS huyện: 1.422 triệu đồng)

+ Kế hoạch vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 59.986 triệu đồng (vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023: 10.952 triệu đồng; vốn năm 2023: 49.034 triệu đồng)

b) Giải ngân vốn Chương trình MTQG vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023: 54.685 triệu đồng, đạt 49% KH; trong đó:

- Giải ngân vốn đầu tư: 45.389 triệu đồng, đạt 84,79% KH (vốn năm 2023: 38.924 triệu đồng, đạt 73,68% KH; vốn kéo dài: 14.147 đạt 96,24%; vốn đối ứng NS huyện: 1.423 triệu đồng, đạt 100% KH)

- Giải ngân vốn sự nghiệp: 9.295 triệu đồng, đạt 17% KH (vốn kéo dài: 3.416 triệu đồng; vốn năm 2023: 5.876 triệu đồng).

PHẦN II

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2024

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024.

Phân công nhiệm vụ cụ thể, phát huy vai trò của cơ quan quản lý nhà nước thực hiện Chương trình, nâng cao tinh thần trách nhiệm, chủ động, tích cực và tăng cường công tác phối hợp trong và ngoài ngành trong việc phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

2. Yêu cầu

Xây dựng, triển khai thực hiện Kế hoạch phải bám sát mục tiêu và các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương gắn với thực hiện các dự án, tiểu dự án thành phần thuộc lĩnh vực được giao của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024.

Thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 nhằm nhanh chóng nâng cao đời sống, kinh tế, văn hóa của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nhất là các xã, thôn đặc biệt khó khăn.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Khai thác, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của huyện để tập trung phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Giảm dần số xã, thôn đặc biệt khó khăn; thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, cải thiện rõ rệt đời sống của Nhân dân. Phát triển toàn diện giáo dục và đào tạo; quan tâm chăm sóc sức khỏe người dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em; thực hiện bình đẳng giới và các vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu. Nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của hệ thống chính trị và toàn xã hội về công tác dân tộc. Củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng, củng cố thể trận lòng dân và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh của huyện trong thời kỳ mới, góp phần xây dựng, củng cố niềm tin của đồng bào các dân tộc thiểu số đối với Đảng và Nhà nước.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Các chỉ tiêu kinh tế

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 65 triệu đồng.

- Kim ngạch xuất khẩu hàng địa phương hằng năm tăng bình quân 2,8%.
- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 41.020 triệu đồng.
- Tổng sản lượng lương thực duy trì 38 nghìn tấn.
- Tổng diện tích thuốc lá đạt 1.500 ha; sản lượng thuốc lá đạt 3.000 tấn;
- Lượng khách du lịch đạt 210 nghìn người trở lên; doanh thu du lịch đạt 118 tỷ đồng trở lên.

2.2. Các chỉ tiêu xã hội

- Tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn được cứng hóa đạt 82%.
- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới Quốc gia đạt 99,9%.
- Số trường học đạt chuẩn quốc gia 02 trường, nâng tổng số trường đạt chuẩn Quốc gia trên địa bàn huyện 32 trường.
- Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa đạt chuẩn 70%.
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 66,5%.
- Tỷ lệ nghèo đa chiều giảm bình quân 3,0%.
- Giảm tai nạn giao thông cả 3 tiêu chí $\geq 5\%$; giảm phạm pháp hình sự $\geq 5\%$.
- Về nông thôn mới:
 - + 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới (Tân Thành).
 - + 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (Hưng Vũ).
 - + 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (Bắc Quỳnh).

2.3. Các chỉ tiêu về môi trường

- Trồng rừng mới đạt 600 ha; tỷ lệ che phủ rừng đạt 60,4%.
- Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99,98%.
- Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom và xử lý đạt 98%; tỷ lệ rác thải sinh hoạt ở vùng nông thôn được thu gom và xử lý thông qua hình thức xã hội hóa đạt 86%.

2.4. Các chỉ tiêu về y tế

- 25% nam, nữ thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn tại các xã có triển khai can thiệp tại khu vực III thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi; 20% bà mẹ mang thai được tầm soát, sàng lọc trước sinh tại các xã có triển khai can thiệp tại khu vực III thuộc vùng ĐBDTTS&MN; 25% trẻ sơ sinh được tầm soát, sàng lọc sơ sinh tại các xã có triển khai can thiệp tại khu vực III thuộc vùng ĐBDTTS&MN; 60% người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần/năm tại các xã thuộc vùng ĐBDTTS&MN; Tăng thêm 60% người sử dụng dịch vụ dân số, kế hoạch hóa gia đình tại các xã có triển khai chiến dịch tại khu vực III và II thuộc vùng ĐBDTTS&MN; Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi: 0,3% đối với thể nhẹ

cân và 0,1 % đối với thể gầy còm và 0,2% đối với thể thấp còi so với năm 2023...

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi, đối tượng thụ hưởng

Kế hoạch này được áp dụng đối với các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của huyện trong đó ưu tiên nguồn lực của Chương trình đầu tư cho các địa bàn đặc biệt khó khăn (*xã đặc biệt khó khăn, thôn bản đặc biệt khó khăn*); Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số; hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các tổ chức kinh tế, xã hội hoạt động ở địa bàn xã, thôn đặc biệt khó khăn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia thực hiện Chương trình.

2. Thời gian thực hiện: Năm 2024.

IV. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

a) Nội dung thực hiện:

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề:

Đối tượng là hộ dân tộc thiểu số nghèo; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp. Các xã thụ hưởng: Trấn Yên, Nhất Hòa, Tân Thành, Tân Tri, Vạn Thủy, Long Đống, Hương Vũ, Vũ Lễ, Nhất Tiến, Chiến Thắng, Vũ Sơn

- Hỗ trợ nước sinh hoạt:

+ Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: Ưu tiên hỗ trợ để mua sắm trang bị hoặc xây dựng bể chứa nước phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình. Các xã thụ hưởng: Trấn Yên.

+ Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung: Đầu tư xây dựng công trình nước tập trung theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại các xã: Vạn Thủy và Tân Hương.

- Hộ gia đình thuộc diện đối tượng theo quy định của Dự án này có nhu cầu vay vốn được vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội để có đất ở, xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà ở, tạo quỹ đất sản xuất, học nghề và chuyển đổi nghề.

b) Kinh phí hỗ trợ:

- Kinh phí chuyển nguồn năm 2022 và 2023:

+ Vốn sự nghiệp NSTW: 465,0 trđ. (trong đó NSTW: 457,4trđ; NSDP: 7,6 trđ)

+ Vốn đầu tư NSTW: 711,0 trđ

- Kinh phí giao năm 2024

+ Vốn sự nghiệp: 1.024,8 trđ (trong đó NSTW: 976,0trđ; NSDP: 48,8trđ)

+ Vốn đầu tư : 1.264,0 trđ (trong đó NSTW: 1.204,0trđ; NSDP: 60,0 trđ)

c) Phân công thực hiện

Phòng Lao động, Thương binh, Xã hội- Dân tộc chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn liên quan tham mưu UBND huyện hướng dẫn chỉ đạo UBND các xã thực hiện các nội dung thuộc dự án 1.

2. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

a) Nội dung thực hiện:

* *Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân*

+ Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với diện tích rừng Nhà nước giao; diện tích rừng tự nhiên do ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý. Thực hiện tại các xã: Trấn Yên, Nhất Hòa, Tân Thành, Tân Tri, Vạn Thủy, Tân Hương, Long Đồng.

+ Hỗ trợ bảo vệ rừng đối với rừng quy hoạch là rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình. Thực hiện tại các xã: Tân Tri, Vạn Thủy, Long Đồng.

+ Hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung: Không thực hiện.

+ Đối với diện tích đất được quy hoạch phát triển rừng sản xuất đã giao ổn định, lâu dài cho hộ gia đình được hỗ trợ một lần cho chu kỳ đầu tiên để trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ. Thực hiện tại các xã: Tân Tri.

+ Hỗ trợ trồng rừng phòng hộ đối với diện tích đất được quy hoạch trồng rừng phòng hộ đã giao cho hộ gia đình theo quy định hiện hành. Hộ gia đình được hưởng lợi từ rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp và các quy định có liên quan: không thực hiện,

+ Trợ cấp gạo cho hộ gia đình nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung, trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, trồng rừng phòng hộ thực hiện tại xã Tân Tri.

* *Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*

Thực hiện tại các xã vùng III và các thôn ĐBKK: Trấn Yên, Nhất Hòa, Tân Thành, Tân Tri, Vạn Thủy, Tân Hương, Long Đồng, Vũ Lăng, Tân Lập, Vũ Lễ, Nhất Tiến, Chiêu Vũ.

b) Kinh phí hỗ trợ:

- *Kinh phí chuyển nguồn năm 2022 và 2023:* Vốn sự nghiệp: 20.437,0 trđ NSTW. (trong đó NSTW: 20.021trđ; NSDP: 416trđ)

- *Kinh phí giao năm 2024:*

+ Vốn sự nghiệp: 9.757,650 (trong đó NSTW: 9.293,0trđ; NSDP: 464,650trđ)

+ Vốn đầu tư : 0 trđ

c) Phân công thực hiện

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn liên quan và UBND các xã, thị trấn tham mưu giúp UBND huyện hướng dẫn chỉ đạo thực hiện các tiểu dự án và nội dung thành phần của dự án 3.

3. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc

a) Nội dung thực hiện

Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Nội dung 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn: thực hiện 11 dự án tại xã ĐBK, 07 dự án tại thôn ĐBK.

+ Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn đặc biệt khó khăn và công trình cơ sở hạ tầng các xã, thôn đã đầu tư từ giai đoạn trước. Thực hiện tại các xã: Trấn Yên, Nhất Hòa, Tân Thành, Tân Tri, Vạn Thủy, Tân Hương.

b) Kinh phí hỗ trợ:

- *Kinh phí chuyển nguồn năm 2022 và 2023:*

+ Vốn sự nghiệp NSTW: 317,0 trđ (trong đó NSTW: 254trđ; NSDP: 63trđ)

+ Vốn đầu tư NSTW: 1.456 trđ

- *Kinh phí giao năm 2024:*

+ Vốn sự nghiệp: 899,0trđ (trong đó NSTW: 857,0trđ; NSDP: 42,850trđ)

+ Vốn đầu tư : 37.805,0trđ (trong đó NSTW: 36.004,0trđ; NSDP: 1.8,0trđ)

c) Phân công thực hiện

Phòng Tài - Kế hoạch là cơ quan đầu mối hướng dẫn về quản lý đầu tư và xây dựng; tổng hợp giải quyết hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết khó khăn, vướng mắc của chủ đầu tư trong quá trình triển khai các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định.

Đối với vốn đầu tư: phòng Kinh tế và Hạ tầng hướng dẫn các nội dung liên quan đến quản lý chất lượng công trình xây dựng, các Chủ đầu tư chủ động triển khai thực hiện theo nhiệm vụ.

Đối với vốn sự nghiệp: các phòng theo chức năng nhiệm vụ đôn đốc hướng dẫn các đơn vị được giao kế hoạch vốn triển khai thực hiện kịp thời.

4. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

a) Nội dung thực hiện

** Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số:*

- Nội dung 1: Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, có học sinh bán trú: Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất khối phòng/công trình phục vụ ăn, ở, sinh hoạt cho học sinh và phòng công vụ giáo viên; Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất/khối phòng/công trình phục vụ học tập; bổ sung, nâng cấp các công trình phụ trợ khác; Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số giáo dục phục vụ việc giảng dạy và học tập trực tuyến cho học sinh dân tộc thiểu số; Ưu tiên đầu tư xây dựng trường dân tộc nội trú cho huyện có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống nhưng chưa có hoặc phải đi thuê địa điểm để tổ chức hoạt động. Thực hiện đầu tư trên địa bàn xã Tân Thành và xã Tân Tri.

- Nội dung 2: Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Giao cho Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu thực hiện.

- Kinh phí chuyển nguồn vốn sự nghiệp SNTW năm 2022, 2023: 510,0trđ

- Kinh phí giao nguồn vốn sự nghiệp năm 2024: 280,35 trđ (trong đó NSTW 267, 0 trđ; NSĐP 13,350 trđ)

** Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi:*

- Nội dung:

+ Xây dựng chương trình, giáo trình để thực hiện mô hình các lớp đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng;

+ Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Xây dựng và triển khai mô hình đào tạo nghề cho lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Hỗ trợ người lao động thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng;

+ Cung cấp thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm cho lao động là người dân tộc thiểu số;

+ Tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề, việc làm và các dịch vụ hỗ trợ việc làm, đi làm việc ở nước ngoài;

+ Kiểm tra, giám sát đánh giá; xây dựng bộ chỉ số để giám sát và đánh giá việc triển khai các nội dung của tiểu dự án.

- Đơn vị thực hiện: Phòng Lao động, Thương binh, Xã hội – Dân tộc; Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện.

- Kinh phí chuyển nguồn vốn sự nghiệp NSTW năm 2022 và 2023: 9.027 trđ (trong đó NSTW: 8.861trđ; NSĐP: 166trđ)

- Kinh phí giao vốn sự nghiệp năm 2024: 202,65 trđ (trong đó NSTW 193, 0

trđ; NSĐP 9,650trđ).

** Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp:*

- Nội dung: Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước cho các đối tượng trực tiếp thực hiện Chương trình; tổ chức hội thảo, hội nghị chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương; Thực hiện nâng cao năng lực chuyên sâu phù hợp với điều kiện, đặc điểm của các nhóm địa bàn: Ưu tiên các xã còn yếu về năng lực làm chủ đầu tư, về thực hiện cơ chế đầu tư đặc thù; ưu tiên những thôn sẽ trực tiếp thực hiện những dự án, công trình cụ thể; tập trung vào các nội dung còn thiếu, còn yếu của cán bộ cơ sở, đại diện cộng đồng; Hỗ trợ chuyển đổi số và nâng cao khả năng học tập, chia sẻ kinh nghiệm trực tuyến cho cán bộ triển khai thực hiện Chương trình ở các cấp; thực hiện các hoạt động để nâng cao nhận thức và năng lực của các bên liên quan (ngoài các cơ quan tổ chức chủ trì và tham gia thực hiện Chương trình) để có sự phối hợp hiệu quả, huy động nguồn lực tổng hợp cho Chương trình.

- Đơn vị thực hiện: Phòng Lao động, Thương binh, Xã hội – Dân tộc

- Kinh phí chuyển nguồn vốn sự nghiệp NSTW năm 2022 và 2023: 1.893,0 trđ (trong đó NSTW: 1.873trđ; NSĐP: 20trđ)

- Kinh phí giao vốn sự nghiệp năm 2024: : 544,95 trđ (trong đó NSTW 519,0 trđ; NSĐP 25,950trđ).

c) Phân công thực hiện

- Phòng Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn liên quan và UBND các xã, thị trấn rà soát nhu cầu thực hiện, kiểm tra giám sát và báo cáo tiến độ thực hiện tiểu dự án 1 (thuộc dự án 5). Tham mưu cho UBND huyện thực hiện nội dung đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các Trường phổ thông dân tộc nội trú, Trường phổ thông dân tộc bán trú, Trường phổ thông dân tộc có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Phòng Lao động, Thương binh, Xã hội – Dân tộc; Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên và UBND các xã, thị trấn tham mưu giúp UBND huyện thực hiện tiểu dự án 3, tiểu dự án 4 (thuộc dự án 5)

5. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

a) Nội dung thực hiện:

- Hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng, truyền dạy những người kế cận;

- Hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống;

- Hỗ trợ trang thiết bị cho nhà văn hóa tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng nhà văn hóa thôn Mỹ Hòa xã Nhất Hòa.

b) Kinh phí hỗ trợ:

- Kinh phí chuyển nguồn năm 2022 và 2023:

+ Vốn sự nghiệp: 19,0 trđ (trong đó NSTW: 1trđ; NSDP: 18trđ).

+ Vốn đầu tư NSTW: 188,0 trđ.

- Kinh phí giao năm 2024:

+ Vốn sự nghiệp: 457,8trđ (trong đó NSTW: 436,0 trđ; NSDP: 21,8trđ)

+ Vốn đầu tư : 182,0trđ (trong đó NSTW: 173,0trđ; NSDP: 9,0trđ)

c) Phân công thực hiện

- Phòng Văn hóa và Thông tin: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn liên quan và UBND các xã, thị trấn tham mưu UBND huyện thực hiện dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.

- UBND xã Nhật Hòa thực hiện nội dung xây dựng nhà Văn hóa thôn Mỹ Hòa xã Nhật Hòa.

6. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em**a) Nội dung thực hiện:**

- Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

- Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

- Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số.

- Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

- Hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật về trạm y tế xã.

- Đào tạo y học gia đình cho nhân viên trạm y tế xã.

- Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

+ Phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh với sự tham gia của toàn xã hội tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số.

+ Ổn định và phát triển dân số của đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu vực biên giới.

+ Nâng cao năng lực quản lý dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Phòng chống bệnh Thalassemia tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi thích ứng với gia hóa dân số.

+ Triển khai mô hình chăm sóc 1.000 ngày đầu đời.

b) Kinh phí hỗ trợ:

- *Kinh phí chuyển nguồn năm 2022 và 2023:* 490trđ (trong đó NSTW: 469 trđ; NSDP: 21trđ)

- *Kinh phí giao năm 2024:*

+ *Vốn sự nghiệp:* 1.274,7trđ (trong đó NSTW: 1.214,0trđ; NSDP: 60,70trđ)

+ *Vốn đầu tư :* 0trđ

c) Phân công thực hiện

Trung tâm Y tế huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn liên quan và UBND các xã, thị trấn tham mưu UBND huyện thực hiện dự án 7.

7. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

a) Nội dung thực hiện:

- Tổ chức các lớp tập huấn và thành lập mới, nhân rộng và duy trì hoạt động các tổ truyền thông cộng đồng để nhận dạng, khơi gợi và thúc đẩy sự thay đổi, tiến tới xoá bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới, từng bước xoá bỏ các tập tục văn hoá có hại cho phụ nữ và trẻ em nhằm thay đổi hành vi bạo lực gia đình, phòng người mua bán người, di cư lao động không an toàn, tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Thành lập mới và hỗ trợ duy trì các địa chỉ tin cậy cộng đồng.

- Thực hiện hỗ trợ mô hình tổ nhóm sinh kế, ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất kinh doanh.

- Tổ chức cuộc đối thoại chính sách cấp xã và cụm thôn bản đặc biệt khó khăn tại các xã

- Thành lập, ra mắt câu lạc bộ “Thủ lĩnh của sự thay đổi” với trẻ em tại các trường (THCS) nhằm trang bị thêm kiến thức cho trẻ em về bình đẳng giới, ngăn ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới thúc đẩy việc thực hiện Luật trẻ em, Luật bình đẳng giới.

- Tổ chức các hội thi, các đội thi về “Tuyên truyền về phòng, chống bạo lực gia đình; phòng, chống xâm hại trẻ em; phòng chống mua bán người” bằng hình thức sân khấu hoá.

- Tổ chức các lớp tập huấn hướng dẫn thực hiện các nội dung của Dự án.

- Tổ chức các cuộc nói chuyện chuyên đề về thực hiện bình đẳng giới tại huyện, xã.

- Tổ chức các lớp tập huấn kiến thức về giới, bình đẳng giới, bạo lực gia đình, bạo lực giới cho đội ngũ cán bộ, cộng tác viên nông cốt, người dân trong

cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi về bình đẳng giới, về phòng ngừa bạo lực gia đình, bạo lực giới trên địa bàn và tổ chức các nội dung lồng ghép trong dự án 8.

b) Kinh phí hỗ trợ:

- *Kinh phí chuyển nguồn năm 2022 và 2023:* 2.596,0 trđ (trong đó NSTW: 2.553trđ; NSDP: 43trđ)

- *Kinh phí giao năm 2024:*

+Vốn sự nghiệp: 520,8trđ (trong đó NSTW: 496,0trđ; NSDP: 24,8trđ)

+Vốn đầu tư : 0trđ

c) Phân công thực hiện

Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu giúp UBND huyện thực hiện dự án 8.

8. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

a) Nội dung thực hiện:

* *Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.*

- Công tác truyền thông: Biên soạn, cung cấp tài liệu, tập huấn về kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về hôn nhân và gia đình; Tổ chức các hội nghị lồng ghép, hội thảo, tọa đàm, giao lưu văn hóa, nhằm tuyên truyền hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống của các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù và trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Tổ chức các hội thi tìm hiểu về pháp luật về hôn nhân, về kết hôn tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Tăng cường các hoạt động tư vấn, can thiệp lồng ghép với các chương trình, dự án, mô hình chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dân số kế hoạch hóa gia đình, dinh dưỡng, phát triển thể chất có liên quan trong lĩnh vực hôn nhân nhằm giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Duy trì và triển khai mô hình tại các xã/huyện/trường có tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cao; nhân rộng các mô hình phù hợp nhằm thay đổi hành vi, khả năng tiếp cận thông tin và huy động sự tham gia của cộng đồng thực hiện ngăn ngừa, giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Bồi dưỡng, nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác dân tộc tham gia thực hiện Dự án.

- Kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Mô hình, Dự án và thực hiện các chính sách.

b) Kinh phí hỗ trợ:

- *Kinh phí chuyển nguồn năm 2022 và 2023:* 11,0 trđ (trong đó NSTW:

5trđ; NSDP: 6trđ)

- *Kinh phí giao năm 2024:*

+Vốn sự nghiệp: 138,6trđ (trong đó NSTW: 123,0trđ; NSDP: 6,6trđ)

+Vốn đầu tư : 0trđ

c) Phân công thực hiện

Phòng Lao động, Thương binh, Xã hội – Dân tộc: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban ngành huyện, UBND các xã, thị trấn tham mưu giúp UBND huyện thực hiện tiểu dự án 2 (dự án 9).

9. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

a) Nội dung thực hiện

* *Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.*

- Nội dung số 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín.

- Nội dung số 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số.

- Nội dung số 3: Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

* *Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.*

* *Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.*

b) Kinh phí hỗ trợ:

- *Kinh phí chuyển nguồn năm 2022 và 2023:* 458,0 tr đ (trong đó NSTW: 446trđ; NSDP: 12trđ)

- *Kinh phí giao năm 2024:*

+Vốn sự nghiệp: 381,15trđ (trong đó NSTW: 132,0trđ; NSDP: 18,15trđ)

+Vốn đầu tư : 0trđ

c) Phân công thực hiện

- Phòng Lao động, Thương binh, Xã hội – Dân tộc: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban ngành huyện, UBND các xã, thị trấn tham mưu giúp UBND huyện thực hiện nội dung 1, 2 của tiểu dự án 1 và tiểu dự án 3.

- Phòng Tư pháp thực hiện nội dung số 3 của tiểu dự án 1. Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Phòng Văn hóa và Thông tin thực hiện tiểu dự án 2.

- Các cơ quan chuyên môn quản lý các dự án, tiểu dự án chương trình, thực hiện nội dung kiểm tra, giám sát, tổng hợp báo cáo tiến độ theo hướng dẫn TT số 01/2022/TT-UBND, ngày 26/5/2022 của Ủy Ban dân tộc.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Kế hoạch vốn Chương trình MTQG vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 (gồm cả vốn kéo dài năm 2022, năm 2023 sang và vốn chuyển nguồn NS huyện 2022 sang 2023): 101.160,3 triệu đồng, gồm:

- + Kế hoạch vốn đầu tư thực hiện Chương trình MTQG vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 49.452 triệu đồng (vốn kéo dài năm 2022, năm 2023 sang năm 2024: 2.354 triệu đồng; vốn năm 2024: 47.098 triệu đồng)

- + Kế hoạch vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 51.708,3 triệu đồng (vốn kéo dài năm 2022, năm 2023 sang năm 2024: 36.223 triệu đồng; vốn năm 2024: 15.485,3 triệu đồng)

VI. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục quán triệt và triển khai có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quyết định của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về công tác dân tộc; trọng tâm là Nghị quyết số 88/2019/QH14 và Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội khóa XIV gắn với thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về công tác dân tộc và thực hiện Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 -2030 và các văn bản liên quan khác của tỉnh về công tác dân tộc.

2. Thực hiện đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững cho các xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi, đảm bảo an sinh xã hội, giải quyết kịp thời các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên cho các địa bàn còn thiếu hụt cơ sở hạ tầng thiết yếu; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, không để trùng lặp, chồng chéo với các chương trình, kế hoạch khác.

3. Bảo đảm sự quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, công khai minh bạch trong phân bổ vốn kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn huyện giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân.

4. Cấp huyện, cấp xã chủ động xây dựng, tổ chức thực hiện Kế hoạch phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc, gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh và xây

dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh. Thực hiện bình đẳng giới, giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em. Chủ động bố trí ngân sách địa phương, tích cực huy động nguồn lực xã hội hóa; phát huy tinh thần nỗ lực vươn lên của đồng bào dân tộc thiểu số.

5. Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội theo quy hoạch của tỉnh, của huyện đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện kinh tế - xã hội phục vụ đời sống của nhân dân vùng dân tộc thiểu số và miền núi của huyện; trọng tâm là các lĩnh vực: Giao thông, thủy lợi, giáo dục và đào tạo, nguồn nhân lực, y tế, văn hóa, du lịch, nước sạch, điện, thông tin truyền thông, các dự án phát triển sản xuất, bảo vệ phát triển rừng, bảo vệ môi trường sinh thái...

6. Việc đầu tư xây dựng đảm bảo theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xây dựng đồng bộ, tránh đầu tư dàn trải, phát huy hiệu quả vốn đầu tư, đầu tư đúng đối tượng theo mục tiêu được duyệt, hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí, thất thoát trong quá trình triển khai thực hiện.

7. Tăng cường nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để phục vụ công tác dự báo, quản lý, thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn huyện.

8. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc, chống mọi biểu hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Điều chỉnh, bổ sung chức năng, nhiệm vụ và nâng cao vai trò, hiệu quả hoạt động của Phòng Lao động, Thương binh, Xã hội - Dân tộc theo hướng là đầu mối thống nhất theo dõi, tổng hợp các chính sách dân tộc đề xuất và tham gia thẩm định chính sách, các dự án đầu tư liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

9. Cơ bản hoàn thành việc quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí các hộ đang cư trú phân tán rải rác trong rừng đặc dụng, nơi có nguy cơ xảy ra lũ quét, lũ ống, sạt lở. Giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số.

10. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch ở các cấp, các ngành. Phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý những hành vi tiêu cực, tham nhũng trong quá trình thực hiện Kế hoạch; làm tốt công tác phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động, Thương binh, Xã hội – Dân tộc huyện

- Là cơ quan đầu mối theo dõi, đôn đốc, tổng hợp các chính sách dân tộc; đề xuất và tham gia thẩm định chính sách, các dự án đầu tư liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn huyện.

- Phối hợp với Phòng Tài chính – Kế hoạch và các phòng, ban, ngành có liên quan và UBND các xã xác định quy mô, tổng mức đầu tư từng nhiệm vụ, chương trình, dự án, trình UBND huyện phê duyệt và bố trí vốn theo quy định.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, liên quan triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung trong Kế hoạch này, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, mục tiêu đã

đề ra. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch tại các xã và các phòng, ban báo cáo UBND huyện.

- Cuối năm tiến hành sơ kết, đánh giá các chỉ tiêu trong Kế hoạch, phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch rà soát, đề xuất, điều chỉnh bổ sung các dự án đảm bảo tính hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế, báo cáo UBND huyện.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Là cơ quan đầu mối hướng dẫn về quản lý đầu tư và xây dựng; tổng hợp giải quyết hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết khó khăn, vướng mắc của chủ đầu tư trong quá trình triển khai các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu đề xuất UBND huyện trình HĐND huyện trong việc phân bổ, giao kế hoạch vốn đầu tư hàng năm, đảm bảo đủ nguồn lực đầu tư, đáp ứng nhu cầu đầu tư theo tiến độ của Kế hoạch. Hướng dẫn lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện các chính sách, đề án thuộc nội dung Kế hoạch theo quy định; tăng cường hợp tác, huy động các nguồn lực để đầu tư phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Chủ trì, tổng hợp nhu cầu của UBND các xã, đề xuất UBND huyện về kế hoạch vốn hàng năm và cả giai đoạn đảm bảo thực hiện các dự án thuộc Kế hoạch này;

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động, Thương binh, Xã hội - Dân tộc và các đơn vị, địa phương liên quan tham mưu UBND huyện trình cấp có thẩm quyền phân bổ kinh phí, bổ sung có mục tiêu; nguồn ngân sách theo phân cấp, phù hợp khả năng cân đối ngân sách và đảm bảo theo quy định hiện hành.

3. Các phòng, ban, đơn vị tham gia thực hiện Chương trình

Nghiên cứu, lồng ghép thực hiện chương trình với các chương trình, dự án, đề án khác được giao bảo đảm hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí.

4. Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện

Phối hợp với phòng Lao động, Thương binh, Xã hội - Dân tộc và các phòng, ban, đơn vị liên quan mở rộng chính sách tín dụng của ngân hàng Chính sách xã hội theo hướng tăng định mức, mở rộng đối tượng được vay đến các dự án sản xuất, kinh doanh tạo sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số. Trên cơ sở đó đề xuất bổ sung nguồn vốn ủy thác cho vay phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 phù hợp với thực tế và sự phát triển của vùng đồng bào DTTS.

5. Kho bạc Nhà nước huyện

Hướng dẫn, kiểm tra và kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc cho địa phương, đơn vị, chủ đầu tư thực hiện giải ngân vốn theo quy định.

Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng tổng hợp tình hình giải ngân các dự án gửi phòng Tài chính - Kế hoạch để tổng hợp, báo cáo UBND huyện, tỉnh theo quy định.

6. Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông

Có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền theo chức năng,

nhiệm vụ được giao và yêu cầu của chương trình.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị, xã hội thực hiện giám sát trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giao năm 2024 trên địa bàn huyện Bắc Sơn.

8. UBND các xã, thị trấn

Xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình năm 2024; Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn, chủ động huy động thêm các nguồn lực khác thực hiện chương trình đạt hiệu quả cao.

Phân công, phân cấp trách nhiệm các cá nhân liên quan trong việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nguyên tắc đẩy mạnh phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm.

9. Chế độ thông tin báo cáo

Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch này về UBND huyện (qua phòng Lao động, Thương binh, Xã hội - Dân tộc) tổng hợp báo cáo UBND huyện, tỉnh trước ngày 15 hàng tháng hoặc báo cáo đột xuất khi có văn bản yêu cầu.

Căn cứ nội dung kế hoạch, các đơn vị khẩn trương triển khai thực hiện. Quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc đề nghị báo cáo bằng văn bản về phòng Lao động, thương binh, Xã hội - Dân tộc huyện để tổng hợp, tham mưu UBND huyện xem xét, điều chỉnh phù hợp./.

Nơi nhận:

- Ban Dân tộc;
- Thường trực huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Các ban, ngành đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phùng Thị Thanh Nga